

Cấp phó (liên, Vy TB)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 371 /QĐ-UBND

Vinh Long, ngày 14 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ và giao dự toán chi ngân sách Trung ương thực hiện các
Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019 (vốn đầu tư phát triển)**

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ, VINH LONG	
ĐẾN	Số: 593
	Ngày: 15/02/19
Chuyển: ...	Căn cứ
Lưu hồ sơ số:	Căn cứ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VINH LONG

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13, ngày 18/6/2014;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg, ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg, ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-TTg, ngày 23/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2106/QĐ-BKHĐT, ngày 31/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết dự toán chi ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 84/NQ-HĐND, ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phân bổ kế hoạch chi tiết vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 150/NQ-HĐND, ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa 9, kỳ họp thứ 10 về việc phê chuẩn dự toán thu ngân sách Nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2019; phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh và số bổ sung cho ngân sách cấp dưới năm 2019;

Xét đề nghị Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 33/TTr-SKHĐT-TH, ngày 07/01/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ và giao dự toán chi ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019 (vốn đầu tư phát triển), với các nội dung như sau:

1. Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019 (vốn đầu tư phát triển) là 99.899 triệu đồng, trong đó:

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 96.500 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là 3.399 triệu đồng.

2. Phân bổ chi tiết nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019 (vốn đầu tư phát triển)

a) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Phân bổ thực hiện 42 công trình với số vốn 96.500 triệu đồng, cụ thể các lĩnh vực như sau:

- Lĩnh vực Giao thông nông thôn: Phân bổ thực hiện 20 công trình với số vốn 58.900 triệu đồng; trong đó: chuyển tiếp 6 công trình với số vốn 13.300 triệu đồng, khởi công mới 14 công trình với số vốn 45.600 triệu đồng.

- Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo: Phân bổ thực hiện 5 công trình với số vốn 15.300 triệu đồng; trong đó: chuyển tiếp 2 công trình với số vốn 7.020 triệu đồng, khởi công mới 3 công trình với số vốn 8.280 triệu đồng.

- Lĩnh vực Nước sạch: Phân bổ thực hiện 5 công trình chuyển tiếp với số vốn 8.300 triệu đồng.

- Lĩnh vực Thủy lợi: Phân bổ thực hiện 1 công trình khởi công mới với số vốn 300 triệu đồng.

- Lĩnh vực Văn hóa: Phân bổ thực hiện 11 công trình với số vốn 13.700 triệu đồng; trong đó: chuyển tiếp 2 công trình với số vốn 3.200 triệu đồng, khởi công mới 9 công trình với số vốn 10.500 triệu đồng.

(Cụ thể danh mục công trình có phụ lục I kèm theo)

b) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

Phân bổ thực hiện 04 công trình với số vốn 3.399 triệu đồng, cụ thể các lĩnh vực như sau:

- Lĩnh vực Giao thông nông thôn: Phân bổ thực hiện 03 công trình với số vốn 1.773 triệu đồng;

- Nhà văn hóa ấp: Phân bổ thực hiện 01 công trình với số vốn 1.626 triệu đồng.

(Cụ thể danh mục công trình có phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo cụ thể cho các chủ đầu tư để triển khai thực hiện và hoàn thành kế hoạch giải ngân theo đúng thời hạn quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này;

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *T. Qu*

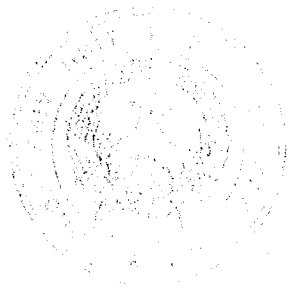
Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ. VP.UBND tỉnh;
- Các Phòng NC;
- Lưu: VT. 5.04.02.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Trung



CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 371/QĐ-UBND, ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án/công trình	Địa điểm XD	Giai đoạn thực hiện dự án	Số QĐ, ngày, tháng, năm	Quyết định đầu tư						Kế hoạch trung hạn đã giao từ năm 2016-2018 (NSTW và NS tỉnh)	Kế hoạch năm 2019 từ ngân sách TW	Ghi chú		
					TMĐT			Trong đó:						Tổng số vốn (NSTW và NS tỉnh)	Trong đó: NSTW
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp huyện						
	TỔNG SỐ				328.447	131.080	105.580	91.137	36.230	2.000	96.500				
A	ĐẦU TƯ XÃ ĐIỂM NÔNG THÔN MỚI				284.476	116.780	87.980	79.477	26.730	2.000	82.500	Xã điểm đạt chuẩn NTM năm 2019: (1) Hòa Ninh; (2) Hiếu Nghĩa; (3) Trung Nghĩa; (4) Bình Ninh; (5) Thuận Thới; (6) Nguyễn Văn Thành; Xã NTM bổ sung để nâng chất các tiêu chí: (1) Phước Hậu; (2) Trung An; (3) Thành Trung; (4) Thuận An.			
I	HUYỆN LONG HỒ				46.802	19.400	12.330	15.072	8.330	-	18.100				
L1	Xã Hòa Ninh				36.053	15.400	10.130	10.523	8.330	-	15.300	Năm 2019 ngân sách tỉnh đã bố trí đối ứng theo chương trình là 5,2 tỷ đồng.			
a	Công trình chuyển tiếp				25.083	9.200	8.830	7.053	8.330	-	9.100				
a.1	Lĩnh vực văn hóa				8.713	3.200	2.030	3.483	2.030	-	3.200				
1	Trung tâm văn hóa, thể thao xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ	Xã Hòa Ninh	2018-2020	4854/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	6.813	2.500	1.400	2.913	1.400		2.500	Năm 2018: NST là 1,4 tỷ đồng. Năm 2019: NSTW là 2,5 tỷ đồng. Dự vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ.			

STT	Tên dự án/công trình	Địa điểm XD	Giai đoạn thực hiện dự án	Số QĐ, ngày, tháng, năm	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn đã giao từ năm 2016-2018 (NSTW và NS tính)		Kế hoạch năm 2019 từ ngân sách TW	Chú thích
					TMDT				Tổng số vốn (NSTW và NS tính)	Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện				
2	Nhà văn hóa, thể thao cụm ấp Hòa Thuận – Hòa Lợi - Hòa Phú - Hòa Quý, huyện Long Hồ	Xã Hòa Ninh	2018-2020	4855/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	1.900	700	630	570	630	700	Năm 2018: NST là 0,63 tỷ đồng. Năm 2019: NSTW: 0,7 tỷ đồng. Đủ vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ.	
a.2	<i>Lĩnh vực giao thông nông thôn</i>				16.370	6.000	6.800	3.570	6.300	5.900		
1	Cầu Bùn Bò, xã Hòa Ninh	Xã Hòa Ninh	2018-2020	10661/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	3.322	1.200	1.300	822	1.200	1.200	Năm 2018: NST là 1,2 tỷ đồng. Năm 2019: NSTW là 1,2 tỷ đồng. Đủ vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ.	
2	Cầu Bà Bông, xã Hòa Ninh	Xã Hòa Ninh	2018-2020	10663/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	2.448	800	1.100	548	1.100	800	Năm 2018: NST là 1,1 tỷ đồng. Năm 2019: NSTW là 0,8 tỷ đồng. Đủ vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ.	
3	Cầu Vàm Kinh, xã Hòa Ninh	Xã Hòa Ninh	2018-2020	10662/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	10.600	4.000	4.400	2.200	4.000	3.900	Năm 2018: NST là 4 tỷ đồng. Năm 2019: NSTW là 3,9 tỷ đồng. Đủ vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ.	
b	Công trình khởi công mới				10.970	6.200	1.300	3.470	-	6.200		
b.1	<i>Lĩnh vực giao thông nông thôn</i>				10.970	6.200	1.300	3.470	-	6.200		
1	Đường Cầu Xéo Cát - Cầu Tân Tạo, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ	Xã Hòa Ninh	2018-2020	4642/QĐ-UBND ngày 18/10/2017	10.970	6.200	1.300	3.470	-	6.200	Năm 2019: 7,5 tỷ đồng, trong đó: NST là 1,3 tỷ đồng, NSTW là 6,2 tỷ đồng. Đủ vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ.	
1.2	Xã Phước Hậu				10.749	4.000	2.200	4.549	-	2.800		
a	Công trình khởi công mới				10.749	4.000	2.200	4.549	-	2.800		
1	<i>Lĩnh vực giao thông nông thôn</i>				10.749	4.000	2.200	4.549	-	2.800		

STT	Danh dự án/công trình	Địa điểm XD	Giai đoạn thực hiện dự án	Số QĐ, ngày, tháng, năm	Quyết định đầu tư						Kế hoạch trung hạn đã giao từ năm 2016-2018 (NSTW và NS tỉnh)		Kế hoạch năm 2019 từ ngân sách TW	Ghi chú	
					TMĐT			Tổng số vốn (NSTW và NS tỉnh)	Trong đó: NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	Trong đó: NSTW và NS tỉnh			Trong đó: NSTW
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	Trong đó:								
1	Đường từ cầu Tỉnh Đoàn đến cầu Lư Tu, xã Phước Hậu, huyện Long Hồ	Xã Phước Hậu	2018-2020	4851/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	10.749	4.000	2.200	4.549	-	-	2.800	Năm 2019: 5 tỷ đồng, trong đó: NST 2,2 tỷ đồng, NSTW là 2,8 tỷ đồng (Đủ vốn NS tỉnh hỗ trợ). Dự kiến năm 2020: NSTW 1,2 tỷ đồng (Đủ vốn NSTW hỗ trợ).			
II	HUYỆN VĨNG LIÊM				40.888	16.100	12.060	12.728	-	-	16.000				
II.1	Xã Hiếu Nghĩa				19.525	7.800	5.680	6.045	-	-	7.800	Năm 2019 ngân sách tỉnh đã bố trí đối ứng theo Chương trình là 5,68 tỷ đồng.			
a	Công trình khởi công mới				19.525	7.800	5.680	6.045	-	-	7.800				
a.1	Lĩnh vực giáo dục				12.072	5.000	3.400	3.672	-	-	5.000				
1	Trường Mẫu giáo Hiếu Nghĩa, xã Hiếu Nghĩa, huyện Vĩnh Liêm	Xã Hiếu Nghĩa	2018-2020	5849/QĐ-UBND ngày 23/10/2018	12.072	5.000	3.400	3.672	-	-	5.000	Năm 2019: 8,4 tỷ đồng, trong đó: NST là 3,4 tỷ đồng, NSTW là 5 tỷ đồng. Đủ vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ			
a.2	Lĩnh vực văn hóa				7.453	2.800	2.280	2.373	-	-	2.800				
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Hiếu Nghĩa	Xã Hiếu Nghĩa	2018-2020	5822/QĐ-UBND ngày 18/10/2018	5.271	2.000	1.600	1.671	-	-	2.000	Năm 2019: 3,6 tỷ đồng, trong đó: NST là 1,6 tỷ đồng, NSTW là 2 tỷ đồng. Đủ vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ.			
2	Nhà văn hóa, thể thao cụm ấp Hiếu Nhân - Hiếu Tỉnh - Hiếu Hậu	Xã Hiếu Nghĩa	2018-2020	6732/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	2.182	800	680	702	-	-	800	Năm 2019: 1,48 tỷ đồng, trong đó: NST là 0,68 tỷ đồng, NSTW là 0,8 tỷ đồng. Đủ vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ.			
II.2	Xã Trung Nghĩa				17.229	6.600	5.680	4.949	-	-	6.600	Năm 2019 ngân sách tỉnh đã bố trí đối ứng là 21,48 tỷ đồng (trong đó: đối ứng theo chương trình là 5,48 tỷ đồng, theo xã điểm NTM là 16 tỷ đồng (công trình giáo dục)).			

STT	Danh dự án/công trình	Địa điểm XD	Giai đoạn thực hiện dự án	Quyết định đầu tư					Kế hoạch trung hạn đã giao từ năm 2016-2018 (NSTW và NS tính)		Kế hoạch năm 2019 từ ngân sách TW	Ghi chú		
				Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số vốn (NSTW và NS tính)	Trong đó: NSTW			Trong đó: NS cấp tỉnh	NS cấp huyện
					Trong đó:									
					NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện							
a	Công trình khởi công mới				17.229	6.600	5.680	4.949	-	-	6.600			
a.1	Lĩnh vực văn hóa			6.138	2.300	1.680	2.158	-	-	-	2.300			
1	Trung tâm văn hóa - Thể thao xã Trung Nghĩa	Xã Trung Nghĩa	2018-2020	5971/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	2.976	1.300	480	1.196	-	-	1.300	Năm 2019: 1,78 tỷ đồng, trong đó: NST là 0,48 tỷ đồng, NSTW là 1,3 tỷ đồng. Đủ vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ.		
2	Nhà văn hóa - thể thao cụm 3-Trường Hội	Xã Trung Nghĩa	2018-2020	5848/QĐ-UBND ngày 23/10/2018	3.162	1.000	1.200	962	-	-	1.000	Năm 2019: 2,2 tỷ đồng, trong đó: NST là 1,2 tỷ đồng, NSTW là 1 tỷ đồng. Đủ vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ.		
a.2	Lĩnh vực giao thông nông thôn			11.091	4.300	4.000	2.791	-	-	-	4.300			
1	Cải tạo mở rộng đường liên ấp Phú Tiến - Phú An (Đường huyện 68), xã Trung nghĩa, huyện Vũng Liêm	Xã Trung Nghĩa	2018-2020	5970/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	11.091	4.300	4.000	2.791	-	-	4.300	Năm 2019: 8,3 tỷ đồng, trong đó: NST là 4 tỷ đồng. Đủ vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ.		
II.3	Xã Trung An			4.134	1.700	700	1.734	-	-	-	1.600			
a	Công trình khởi công mới			4.134	1.700	700	1.734	-	-	-	1.600			
a.1	Lĩnh vực giao thông nông thôn			4.134	1.700	700	1.734	-	-	-	1.600			
1	Đường liên ấp An Phú - Phú Cường, xã Trung An, huyện Vũng Liêm	Xã Trung An	2018-2020	1717/QĐ-UBND ngày 29/3/2018	4.134	1.700	700	1.734	-	-	1.600	Năm 2019: 2,3 tỷ đồng, trong đó: NST là 0,7 tỷ đồng, NSTW là 1,6 tỷ đồng. Đủ vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ.		
III	HUYỆN TAM BÌNH			65.621	29.580	17.290	18.751	14.100	2.000	24.120				
III.1	Xã Bình Ninh			57.432	26.080	14.090	17.262	8.120	2.000	23.400		Năm 2019 ngân sách tỉnh đã bố trí đối ứng theo Chương trình là 7,97 tỷ đồng.		
a	Công trình chuyển tiếp			21.500	8.380	6.120	7.000	8.120	2.000	6.300				

STT	Danh dự án/công trình	Địa điểm XD	Giai đoạn thực hiện dự án	Số QĐ, ngày, tháng, năm	Quyết định đầu tư						Kế hoạch trung hạn đã giao từ năm 2016-2018 (NSTW và NS tỉnh)		Kế hoạch năm 2019 từ ngân sách TW	Ghi chú	
					TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	Trong đó:		Tổng số vốn (NSTW và NS tỉnh)			Trong đó: NSTW
					NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp tỉnh			NS cấp huyện					
a.1	Lĩnh vực giáo dục							21.500	8.380		6.120	7.000	8.120	2.000	6.300
1	Trường Trung học cơ sở Bình Ninh, xã Bình Ninh, huyện Tam Bình	Xã Bình Ninh	2018-2020	905/QĐ-UBND ngày 3/05/2017	21.500	8.380	6.120	7.000	8.120	2.000	6.300	Năm 2018: 8,12 tỷ đồng; trong đó: NST là 6,12 tỷ đồng; NSTW là 2 tỷ đồng. Năm 2019: NSTW là 6,3 tỷ đồng. Dù vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ.			
b	Công trình khởi công mới				35.932	17.700	7.970	10.262	-	-	17.100				
b.1	Lĩnh vực văn hóa				2.703	800	1.070	833	-	-	800				
1	Nhà văn hóa, thi đấu cầu đập An Hòa - An Hòa A - An Hòa B	Xã Bình Ninh	2018-2020	5426/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	2.703	800	1.070	833	-	-	800	Năm 2019: 1,87 tỷ đồng; trong đó: NST là 1,07 tỷ đồng; NSTW là 0,8 tỷ đồng. Dù vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ.			
b.2	Lĩnh vực giao thông nông thôn				33.229	16.900	6.900	9.429	-	-	16.300				
1	Cầu An Hòa 1, xã Bình Ninh, huyện Tam Bình	Xã Bình Ninh	2018-2020	5428/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	4.919	2.000	1.500	1.419			2.000	Năm 2019: 3,5 tỷ đồng; trong đó: NST là 1,5 tỷ đồng; NSTW là 2 tỷ đồng. Dù vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ.			
2	Cầu An Hòa 2, xã Bình Ninh, huyện Tam Bình	Xã Bình Ninh	2018-2020	5429/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	4.990	2.300	1.300	1.390			2.300	Năm 2019: 3,6 tỷ đồng; trong đó: NST là 1,3 tỷ đồng; NSTW là 2,3 tỷ đồng. Dù vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ.			
3	Cầu An Thanh A, xã Bình Ninh, huyện Tam Bình	Xã Bình Ninh	2018-2020	5430/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	4.830	2.000	1.500	1.330			2.000	Năm 2019: 3,5 tỷ đồng; trong đó: NST là 1,5 tỷ đồng; NSTW là 2 tỷ đồng. Dù vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ.			
4	Đường An Phú Tân - An Hòa, xã Bình Ninh, huyện Tam Bình	Xã Bình Ninh	2018-2020	5431/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	7.944	4.000	1.700	2.244			4.000	Năm 2019: 5,7 tỷ đồng; trong đó: NST là 1,7 tỷ đồng; NSTW là 4 tỷ đồng. Dù vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ.			

STT	Danh dự án/công trình	Địa điểm XD	Giai đoạn thực hiện dự án	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn đã giao từ năm 2016-2018 (NSTW và NS tỉnh)		Kế hoạch năm 2019 từ ngân sách TW	Ghi chú	
				Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số vốn (NSTW và NS tỉnh)			Trong đó: NSTW
					NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện					
5	Đường An Thành A - Bình An, xã Bình Ninh, huyện Tam Bình	Xã Bình Ninh	2018-2020	5427/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	10.546	6.600	900	3.046	6.000	Năm 2019: 7,5 tỷ đồng, trong đó: NST là 0,9 tỷ đồng, NSTW là 6,6 tỷ đồng. Đủ vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ.		
III.2	Xã Tân Lộc				8.189	3.500	3.200	1.489	720			
a	Công trình chuyển tiếp				8.189	3.500	3.200	1.489	720			
a.1	Lĩnh vực giáo dục				8.189	3.500	3.200	1.489	720			
1	Trường mầm non Bông Sen, xã Tân Lộc, huyện Tam Bình	Xã Tân Lộc	2018-2020	5546/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	8.189	3.500	3.200	1.489	720	Năm 2018: NST là 5,98 tỷ đồng. Năm 2019: NSTW là 0,72 tỷ đồng. Đủ vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ.		
IV	HUYỆN TRÀ ÔN				51.874	18.200	19.200	14.474	12.200			
IV.1	Xã Thuận Thới				51.874	18.200	19.200	14.474	12.200	Năm 2019 ngân sách tỉnh đã bố trí đối ứng là 31,7 tỷ đồng (trong đó: đối ứng theo Chương trình là 13,7 tỷ đồng, theo xã điểm NTM là 18 tỷ đồng (công trình giáo dục)).		
a	Công trình khởi công mới				51.874	18.200	19.200	14.474	12.200			
a.1	Lĩnh vực văn hóa				8.566	2.800	3.200	2.566	2.800			
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Thuận Thới	Xã Thuận Thới	2018-2020	6141/QĐ-UBND ngày 24/10/2018	5.438	1.800	2.000	1.638	1.800	Năm 2019: 3,8 tỷ đồng, trong đó: NST là 2 tỷ đồng, NSTW là 1,8 tỷ đồng. Đủ vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ.		
2	Nhà văn hóa, thể thao cụm ấp Vĩnh Thuận - Cống Đá - Vĩnh Thới	Xã Thuận Thới	2018-2020	61412/QĐ-UBND ngày 24/10/2018	3.128	1.000	1.200	928	1.000	Năm 2019: 2,2 tỷ đồng, trong đó: NST là 1,2 tỷ đồng, NSTW là 1 tỷ đồng. Đủ vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ.		
b.2	Lĩnh vực giao thông nông thôn				43.308	15.400	16.000	11.908	9.400			

STT	Danh dự án/công trình	Địa điểm XD	Giai đoạn thực hiện dự án	Số QĐ, ngày, tháng, năm	Quyết định đầu tư						Kế hoạch trung hạn đã giao từ năm 2016-2018 (NSTW và NS tính)	Kế hoạch năm 2019 từ ngân sách TW	Ghi chú
					TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số vốn (NSTW và NS tính)	Trong đó: NSTW			
					Trong đó:								
					NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện						
1	Đường Vĩnh Thới - Ông Lãnh, xã Thuận Thới, huyện Trà Ôn	Xã Thuận Thới	2018-2020	2268/QĐ-UBND ngày 24/10/2018	24.854	8.000	10.500	6.354			2.000	Năm 2019: 7 tỷ đồng, trong đó NST là 5 tỷ đồng; NSTW là 2 tỷ đồng. Dự kiến năm 2020: 11,5 tỷ đồng; trong đó: NST là 5,5 tỷ đồng; NSTW: 6 tỷ đồng (Đủ vốn NS tỉnh và NSTW hỗ trợ).	
2	Đường Ông Lãnh - Công Đá, xã Thuận Thới, huyện Trà Ôn	Xã Thuận Thới	2018-2020	6140/QĐ-UBND ngày 24/10/2018	14.210	5.500	4.500	4.210			5.500	Năm 2019: 10 tỷ đồng, trong đó: NST là 4,5 tỷ đồng; NSTW là 5,5 tỷ đồng. Đủ vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ.	
3	Cầu Vĩnh Thới, xã Thuận Thới, huyện Trà Ôn	Xã Thuận Thới	2018-2020	6985/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	4.244	1.900	1.000	1.344			1.900	Năm 2019: 2,9 tỷ đồng, trong đó: NST là 1 tỷ đồng; NSTW là 1,9 tỷ đồng. Đủ vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ.	
V	HUYỆN BÌNH TÂN				71.182	30.500	25.300	15.143	2.500	-	9.080		
V.1	Xã Nguyễn Văn Thành				65.543	28.400	22.000	15.143	-	-	7.080	Năm 2019 ngân sách tỉnh đã bố trí đối ứng 23,36 tỷ đồng.	
a	Công trình khởi công mới				65.543	28.400	22.000	15.143	-	-	7.080		
a.1	Lĩnh vực giáo dục				45.914	19.600	16.400	9.914	-	-	3.280		
1	Trường Mẫu giáo Nguyễn Văn Thành, huyện Bình Tân	Xã Nguyễn Văn Thành	2018-2020	815/QĐ-UBND ngày 11/5/2018	14.950	6.700	5.600	2.650			1.280	Năm 2019: 6,88 tỷ đồng, trong đó: NST là 5,6 tỷ đồng; NSTW là 1,28 tỷ đồng (Đủ vốn NS tỉnh hỗ trợ). Dự kiến năm 2020: NSTW là 5,42 tỷ đồng (Đủ vốn NSTW hỗ trợ).	

STT	Danh dự án/công trình	Địa điểm XD	Giai đoạn thực hiện dự án	Số QĐ, ngày, tháng, năm	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn đã giao từ năm 2016-2018 (NSTW và NS tính)		Kế hoạch năm 2019 từ ngân sách TW	Ghi chú
					TMĐT				Tổng số NSTW và NS tính	Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện				
2	Trường tiểu học Nguyễn Văn Thành A, huyện Bình Tân	Xã Nguyễn Văn Thành	2018-2020	1307/QĐ-UBND ngày 26/6/2018	30.964	12.900	10.800	7.264		2.000	_ Năm 2019: 7 tỷ đồng, trong đó: NST là 5 tỷ đồng, NSTW là 2 tỷ đồng. _ Dự kiến năm 2020: 15,7 tỷ đồng, trong đó: NST là 5,8 tỷ đồng, NSTW là 9,9 tỷ đồng (Đủ vốn NS tỉnh và NSTW hỗ trợ).	
a.2	Lĩnh vực văn hóa				5.128	1.800	1.600	1.728	-	1.800		
1	Trung tâm văn hóa - thể thao xã Nguyễn Văn Thành	Xã Nguyễn Văn Thành	2018-2020	761/QĐ-UBND, ngày 19/4/2018	2.240	800	640	800		800	_ Năm 2019: 1,44 tỷ đồng, trong đó: NST là 0,64 tỷ đồng, NSTW là 0,8 tỷ đồng. _ Đủ vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ.	
2	Nhà văn hóa - Thể thao cụm ấp Hòa Thuận - Hòa Hiệp - Hòa Thới xã Nguyễn Văn Thành, huyện Bình Tân	Xã Nguyễn Văn Thành	2018-2020	762/QĐ-UBND, ngày 19/4/2018	2.888	1.000	960	928		1.000	_ Năm 2019: 1,96 tỷ đồng, trong đó: NST là 0,96 tỷ đồng, NSTW là 1 tỷ đồng. _ Đủ vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ.	
a.3	Lĩnh vực giao thông nông thôn				14.501	7.000	4.000	3.501	-	2.000		
1	Đường từ chợ Tâm Vu - Đường tỉnh 908, xã Nguyễn Văn Thành, huyện Bình Tân	Xã Nguyễn Văn Thành	2018-2020	871/QĐ-UBND, ngày 18/5/2018	14.501	7.000	4.000	3.501		2.000	_ Năm 2019: 6 tỷ đồng, trong đó: NST là 4 tỷ đồng, NSTW là 2 tỷ đồng (Đủ vốn NS tỉnh hỗ trợ). _ Dự kiến năm 2020: NSTW là 5 tỷ đồng (Đủ vốn NSTW hỗ trợ).	
V.2	Xã Thành Trung				5.639	2.100	3.300	-	2.500	2.000		
a	Công trình chuyển tiếp				5.639	2.100	3.300	-	2.500	2.000		
a.1	Lĩnh vực nước sạch				5.639	2.100	3.300	-	2.500	2.000		

STT	Danh dự án/công trình	Địa điểm XD	Giai đoạn thực hiện dự án	Số QĐ, ngày, tháng, năm	Quyết định đầu tư						Kế hoạch trung hạn đã giao từ năm 2016-2018 (NSTW và NS tỉnh)	Kế hoạch năm 2019 từ ngân sách TW	Ghi chú
					TMBT			Kế hoạch số vốn					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	Trong đó: NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	Trong đó: NSTW và NS tỉnh	Trong đó: NSTW			
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến ống trạm cấp nước xã Thành Trung, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long	Xã Thành Trung	2018-2020	2171/QĐ-SKHĐT-KT ngày 05/10/2017	5.639	2.100	3.300	-	2.500	-	2.000	2.000	Năm 2018: NST đã bố trí 2,5 tỷ đồng. Năm 2019: 2,6 tỷ đồng, trong đó NST là 0,6 tỷ đồng, NSTW là 2 tỷ đồng. Dự kiến năm 2020: NST là 0,3 tỷ đồng (Dù vốn NS tỉnh hỗ trợ).
VI	THỊ XÃ BÌNH MINH				8.109	3.000	1.800	3.309	1.800	-	3.000		
VI.1	Xã Thuận An				8.109	3.000	1.800	3.309	1.800	-	3.000		
2	Công trình chuyển tiếp				8.109	3.000	1.800	3.309	1.800	-	3.000		
a.1	Lĩnh vực giao thông nông thôn				8.109	3.000	1.800	3.309	1.800	-	3.000		
1	Cầu Xẻo Nga	Xã Thuận An	2018-2020	3584/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	8.109	3.000	1.800	3.309	1.800	-	3.000		Năm 2018: NST là 1,8 tỷ đồng. Năm 2019: NSTW là 3 tỷ đồng. Dù vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ.
B	ĐẦU TƯ NGOÀI XÃ ĐIỂM NÔNG THÔN MỚI				43.971	14.300	17.600	11.660	9.500	-	14.000		Gồm các xã: (1) Thanh Quới; (2) An Bình; (3) Trung Thành; (4) Hiếu Thành; (5) Phú Thịnh; (6) Chánh An; (7) Tân Long; (8) Mỹ Thuận.
I	HUYỆN LONG HỒ				19.049	5.700	6.600	6.589	2.000	-	5.400		
I.1	Xã Thành Quới				4.660	1.700	2.800	-	2.000	-	1.400		
2	Công trình chuyển tiếp				4.660	1.700	2.800	-	2.000	-	1.400		
a.1	Lĩnh vực nước sạch				4.660	1.700	2.800	-	2.000	-	1.400		

STT	Danh dự án/công trình	Địa điểm XD	Giai đoạn thực hiện dự án	Quyết định đầu tư						Kế hoạch trung hạn đã giao từ năm 2016-2018 (NSTW và NS tính)		Kế hoạch năm 2019 từ ngân sách TW	Ghi chú
				Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số vốn (NSTW và NS tính)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW		
					Trong đó:								
					NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện						
I	Nâng cấp mở rộng tuyến ống trạm cấp nước Thành Quới 1, xã Thành Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long	Xã Thành Quới	2018-2020	2380/QĐ-SKHĐT-KT ngày 25/10/2017	4.660	1.700	2.800	-	2.000	-	1.400	Năm 2018: NST là 2 tỷ đồng. Năm 2019: NSTW là 1,4 tỷ đồng. Dự kiến năm 2020: 1,1 tỷ đồng. trong đó: NST là 0,8 tỷ đồng, NSTW là 0,3 tỷ đồng (Đủ vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ).	
I.2	Xã An Bình			14.389	4.000	3.800	6.589	-	-	4.000			
a	Công trình khởi công mới			14.389	4.000	3.800	6.589	-	-	4.000			
a.1	Lĩnh vực giao thông nông thôn			14.389	4.000	3.800	6.589	-	-	4.000			
I	Đường liên ấp An Thuận - An Thành - Bình Lương, xã An Bình, huyện Long Hồ	Xã An Bình	2018-2020	1670/QĐ-UBND ngày 04/5/2018	14.389	4.000	3.800	6.589	-	-	4.000	Năm 2019: 7,8 tỷ đồng, trong đó: NST là 3,8 tỷ đồng, NSTW là 4 tỷ đồng. Đủ vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ.	
II	HUYỆN VŨNG LIÊM			8.271	2.700	2.000	3.571	-	-	2.700			
II.1	Xã Trung Thành			1.214	300	400	514	-	-	300			
a	Công trình khởi công mới			1.214	300	400	514	-	-	300			
a.1	Lĩnh vực thủy lợi			1.214	300	400	514	-	-	300			
I	Kiến cố hóa kênh chính trạm bơm An Nhơn, xã Trung Thành, huyện Vũng Liêm	Xã Trung Thành	2017-2019	6367/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	1.214	300	400	514	-	-	300	Năm 2019: 0,69 tỷ đồng, trong đó: NST là 0,39 tỷ đồng, NSTW là 0,3 tỷ đồng. Đủ vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ.	
II.2	Xã Hiên Thành			7.057	2.400	1.600	3.057	-	-	2.400			
a	Công trình chuyển tiếp			7.057	2.400	1.600	3.057	-	-	2.400			
a.1	Lĩnh vực giao thông nông thôn			7.057	2.400	1.600	3.057	-	-	2.400			

STT	Danh dự án/công trình	Địa điểm XD	Giai đoạn thực hiện dự án	Quyết định đầu tư										Kế hoạch trung hạn đã giao từ năm 2016-2018 (NSTW và NS tính)	Kế hoạch năm 2019 từ ngân sách TW	Ghi chú
				TMDT				Trong đó:			Tổng số vốn (NSTW và NS tính)		Trong đó:			
				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	Tổng số vốn (NSTW và NS tính)	Trong đó: NSTW				
1	Dường liên ấp Hiếu Thọ - Hiếu Ngãi, xã Hiếu Thành, huyện Vũng Liêm	Xã Hiếu Thành	2018-2020	6727/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	7.057	2.400	1.600	3.057	-	-	2.400	Năm 2018: NST 1 tỷ đồng. Năm 2019: 3 tỷ đồng, trong đó: NS tính là 0,6 tỷ đồng, NSTW là 2,4 tỷ đồng. Dù vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ.				
III	HUYỆN TAM BÌNH				6.073	2.600	3.200	-	3.000	-	2.600					
III.1	Xã Phú Thịnh				6.073	2.600	3.200	-	3.000	-	2.600					
a	Công trình chuyển tiếp				6.073	2.600	3.200	-	3.000	-	2.600					
a.1	Lĩnh vực nước sạch				6.073	2.600	3.200	-	3.000	-	2.600	Năm 2018: NST là 3 tỷ đồng. Năm 2019: 2,8 tỷ đồng, trong đó: NST là 0,2 tỷ đồng, NSTW 2,6 tỷ đồng. Dù vốn hoàn thành dự án.				
IV	HUYỆN MANG THỊT				7.160	2.300	4.500	-	3.200	-	2.300					
IV.1	Xã Chánh An				3.916	1.000	2.700	-	2.000	-	1.000					
a	Công trình chuyển tiếp				3.916	1.000	2.700	-	2.000	-	1.000					
a.1	Lĩnh vực nước sạch				3.916	1.000	2.700	-	2.000	-	1.000	Năm 2018: NST là 2 tỷ đồng. Năm 2019: 1,7 tỷ đồng, trong đó: NST là 0,7 tỷ đồng, NSTW là 1 tỷ đồng. Dù vốn hoàn thành dự án.				
1	Nâng cấp mở rộng tuyến ống trạm cấp nước xã Chánh An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long	Xã Chánh An	2018-2020	2128/QĐ-SKHDT-KT ngày 29/9/2017	3.916	1.000	2.700	-	2.000	-	1.000					
IV.2	Xã Tân Long				3.244	1.300	1.800	-	1.200	-	1.300					
a	Công trình chuyển tiếp				3.244	1.300	1.800	-	1.200	-	1.300					

STT	Danh dự án/công trình	Địa điểm XD	Giai đoạn thực hiện dự án	Quyết định đầu tư					Kế hoạch trung hạn đã giao từ năm 2016-2018 (NSTW và NS tỉnh)		Kế hoạch năm 2019 từ ngân sách TW	Ghi chú	
				Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số vốn (NSTW và NS tỉnh)	Trong đó: NSTW			Trong đó: NSTW
					NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện						
a.1	Lĩnh vực nước sạch					3.244	1.300	1.800	-	1.200	-	1.300	
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến ống TCN Tân Long 1, xã Tân Long, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long	Xã Tân Long	2018-2020	2130/QĐ-SKHĐT-KT ngày 29/9/2017		3.244	1.300	1.800	-	1.200		1.300	Năm 2018: NST là 1,5 tỷ đồng. Năm 2019: 1,6 tỷ đồng, trong đó: NST là 0,3 tỷ đồng, NSTW là 1,3 tỷ đồng. Đủ vốn hoàn thành dự án.
V	HUYỆN BÌNH TÂN					3.418	1.000	1.300	1.500	1.300	-	1.000	
V.1	Xã Mỹ Thuận					3.418	1.000	1.300	1.500	1.300	-	1.000	
a	Công trình chuyển tiếp					3.418	1.000	1.300	1.500	1.300	-	1.000	
a.1	Lĩnh vực giao thông nông thôn					3.418	1.000	1.300	1.500	1.300	-	1.000	
1	Cầu Trà Kiết, xã Mỹ Thuận, huyện Bình Tân	Xã Mỹ Thuận	2018-2020	6201/QĐ-UBND ngày 30/10/2017		3.418	1.000	1.300	1.500	1.300	-	1.000	Năm 2018: NS tỉnh là 1,3 tỷ đồng. Năm 2019: NSTW là 1 tỷ đồng Đủ vốn NS tỉnh và TW hỗ trợ.

CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TỰ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 371/QĐ-UBND, ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh dự án/công trình	Địa điểm XD	Giai đoạn thực hiện dự án	Số QĐ, ngày, tháng, năm	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn đã giao từ năm 2016-2018 (NSTW và NS tỉnh)	Kế hoạch năm 2019 từ ngân sách TW	Ghi chú	
					TMBT			Tổng số vốn (NSTW và NS tỉnh)				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NS cấp tỉnh					
TỔNG SỐ					6.147	4.610	-	1.537	817	817	3.399	
I HUYỆN TAM BÌNH												
a Công trình chuyển tiếp					1.509	1.300	-	209	817	817	483	
1	Đường áp Sóc Rừng, xã Loan Mỹ, huyện Tam Bình	Xã Loan Mỹ	2018-2020	5540/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	1.509	1.300	-	209	817	817	483	Đủ vốn TW hỗ trợ
b Công trình khởi công mới					3.100	2.020	-	1.080	-	-	1.626	
1	Nhà văn hóa - thể thao cụm ấp Tân Nguyễn - Thông Nguyễn - Kỳ Sơn	Xã Loan Mỹ	2018-2020	5383/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	3.100	2.020	-	1.080	817	817	1.626	Đủ vốn TW hỗ trợ
II HUYỆN TRÀ ÔN												
a Công trình khởi công mới					696	590	-	106	-	-	590	
1	Lối đại đường Mỹ An - Cầu Thày	Xã Tân Mỹ	2018-2020	6168/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	696	590	-	106	-	-	590	Đủ vốn TW hỗ trợ
III THỊ XÃ BÌNH MINH												
a Công trình khởi công mới					842	700	-	142	-	-	700	
1	Lối đại đường ấp Phú Ly 1	Xã Đông Bình	2018-2020	2650/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	842	700	-	142	-	-	700	Đủ vốn TW hỗ trợ



